

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2026

Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Khắc Tuấn và bà Đào Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Thuận là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9, Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Dịu-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số căn cước công dân: 001196036381 cấp ngày 12/11/2024.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1965; Vắng mặt.

Cùng ĐKKHKT tại: Thôn X, xã L, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị S và anh Phan Văn K kết hôn ngày 20/02/1989 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn X, xã L, Hà Nội cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng bệnh tật, đánh đập vợ và gia đình nhà chồng không yêu thương. Vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Gia đình cũng đã khuyên bảo, hoà giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S ly hôn với anh Phan Văn K.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Minh H, sinh năm 1990 và Phan Thu H, sinh năm 1996, đều đã trưởng thành, khoẻ mạnh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp chung: Không có.

- Về phía bị đơn anh Phan Văn K:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án đối với bị đơn là anh Phan Văn K, để bị đơn biết những vấn đề cụ thể mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và trình bày ý kiến của mình. Tuy nhiên, bị đơn đã không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình với nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn.

-Theo biên bản xác minh tại thôn Phú Xuyên 1, xã Vật Lại, Hà Nội cung cấp có nội dung: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh K, chị S là có thật. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S: Tuyên chị S được ly hôn anh Phan Văn K. Về con chung: Có 02 con chung là Phan Minh H, sinh năm 1990 và Phan Thu H, sinh năm 1996, đều đã trưởng thành, khoẻ mạnh, nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung, công sức đóng góp chung: Không có. Về án phí: chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị S đối với anh Phan Văn K có địa chỉ tại thôn Thôn X, xã L, Hà Nội là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với bị đơn anh Phan Văn K để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh K vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K kết hôn với chị S tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 1989 tại UBND xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Hà Nội (nay là xã Vật Lại). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phan Văn K là hợp pháp.

Chị S trình bày giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do chồng đánh đập vợ và gia đình nhà chồng không yêu thương, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K. Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh

K và chị S là có thật. Vợ chồng thường xuyên cãi cọ, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh K và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[2.2] *Về con chung*: Có 02 con chung đều đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị S không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu anh K có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.4] *Về nợ chung, công sức đóng góp chung*: Không có.

[3] *Về án phí*: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: 1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S. Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Phan Văn K.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung là Phan Minh H, sinh năm 1990 và Phan Thu H, sinh năm 1996, đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Không xem xét.

4. *Về nợ chung, công sức đóng góp chung*: Không có.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu số: 0020932 ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, Hà Nội.

6.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phan Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Tú